

CÔNG TY CỔ PHẦN TRUYỀN THÔNG VÀ GIẢI TRÍ MINDI
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN TRUYỀN THÔNG VÀ GIẢI TRÍ MINDI

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: MINDI ENTERTAINMENT AND MEDIA JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: MINDI ENTERTAINMENT & MEDIA., JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0110913436

3. Ngày thành lập: 12/12/2024

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 15 ngõ 42 đường Thành Công, Phường Thành Công, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0869 904 683

Fax:

Email: mindigroup2007@gmail.com

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí	9000(Chính)
2.	Hoạt động sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình - Chi tiết: Hoạt động dịch vụ sản xuất chương trình truyền hình (không gồm hoạt động truyền hình trực tiếp)	5911
3.	Hoạt động phát hành phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình - Chi tiết: hoạt động phát hành phim video	5913
4.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan	6311
5.	Hoạt động hậu kỳ	5912
6.	Giáo dục văn hoá nghệ thuật	8552
7.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu (Loại trừ hoạt động dạy về tôn giáo; các trường của các tổ chức Đảng, đoàn thể)	8559
8.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục	8560
9.	Quảng cáo	7310
10.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận (Loại trừ hợp báo)	7320
11.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại (Loại trừ hợp báo)	8230
12.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh (Điều 28 Luật Thương mại 2005)	8299

13.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
14.	Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu	9329
15.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
16.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
17.	In ấn	1811
18.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
19.	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh	2023
20.	Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu	2100
21.	Bán buôn thực phẩm	4632
22.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (Loại trừ: Bán buôn dược phẩm và dụng cụ y tế)	4649
23.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
24.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: - Dịch vụ tư vấn bất động sản (Điều 66,67,68 Luật kinh doanh bất động sản 2023) - Dịch vụ môi giới bất động sản (Điều 61 Luật kinh doanh bất động sản 2023)	6820
25.	Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí	7721
26.	Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu (Không gồm hoạt động thông tin Nhà nước cấm)	6399
27.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
28.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa	0118
29.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ bán lẻ thuốc)	4772
30.	Dịch vụ hệ thống bảo đảm an toàn	8020
31.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
32.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: - Đại lý bán hàng hóa; - Môi giới mua bán hàng hóa.	4610
33.	Cổng thông tin (Loại trừ hoạt động báo chí)	6312
34.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
35.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu	1079
36.	Hoàn thiện sản phẩm dệt	1313
37.	Sản xuất các loại hàng dệt khác chưa được phân vào đâu	1399
38.	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410

39.	Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm	1512
40.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện	1629
41.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
42.	Bán buôn tổng hợp (Trừ loại cấm)	4690
43.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
44.	Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh	4762
45.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
46.	Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ hoạt động đấu giá)	4774
47.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (Trừ hoạt động đấu giá)	4791
48.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu (Trừ hoạt động đấu giá)	4799
49.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: - Bán buôn xi măng; - Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi; - Bán buôn kính xây dựng; - Bán buôn sơn, véc ni; - Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh; - Bán buôn đồ ngũ kim; - Bán buôn ống nối, khớp nối và chi tiết lắp ghép khác.	4663
50.	Giáo dục thể thao và giải trí	8551
51.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
52.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi) - Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện). - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác chưa được phân vào đâu	4659
53.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (Trừ hoạt động đấu giá)	4530

54.	Đào tạo sơ cấp Chi tiết: - Đào tạo trình độ sơ cấp (Điểm c, Khoản 2, Điều 6, Luật Giáo dục 2019)	8531
55.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
56.	Lập trình máy vi tính	6201
57.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209

6. Vốn điều lệ: 10.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán: 1.000.000

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	HOÀNG THỊ LAN	Số 70 ngõ 40 Tạ Quang Bửu, Phường Bách Khoa, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	10.000	100.000.000	1,000	0381850405 76	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	10.000	100.000.000	1,000		

2	NGUYỄN THẾ ANH	Số 70 ngõ 40 Tạ Quang Bửu, Phường Bách Khoa, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	10.000	100.000.000	1,000	001081041731
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	10.000	100.000.000	1,000	
3	HOÀNG THỊ DUYÊN	Tổ 17, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	038181016982
			Cổ phần phổ thông	970.000	9.700.000.000	97,000	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	970.000	9.700.000.000	97,000	
4	HOÀNG TRƯỜNG SON	Thôn Y Ngô, Xã Đại Lộc, Huyện Hậu Lộc, Tỉnh Thanh Hoá, Việt Nam	Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	038095035303
			Cổ phần phổ thông	10.000	100.000.000	1,000	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Tổng số	10.000	100.000.000	1,000	

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Ho và tên: **HOÀNG THI LAN**

Giới tính: *Nữ*

Chức danh: *Tổng giám đốc*

Sinh ngày: 04/03/1985

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 038185040576

Ngày cấp: 10/05/2021

Nơi cấp: *Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội*

Địa chỉ thường trú: Số 70 ngõ 40 Phố Tạ Quang Bửu, Phường Bách Khoa, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Số 70 ngõ 40 Phố Tạ Quang Bửu, Phường Bách Khoa, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội